

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DSST
Ngày 27-3-2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Liêm
2. Bà Lê Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, về “*Kiện đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Thu T, sinh năm 1970; Địa chỉ: khối phố Đ, phường T, thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Thu T trình bày: Vào ngày 25/5/2018, bà P có mượn của bà T số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, sau đó bà P mượn thêm 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng vào ngày 17/9/2018. Bà P hẹn sẽ thanh toán cho bà T trong thời gian một năm nhưng bà P không trả. Bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả cho bà T số nợ tổng cộng là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, bà T xác định lại là bà P đã trả dần cho bà T được 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng, nay còn nợ lại bà T số tiền 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng và bà T yêu cầu bà P phải trả cho bà T số tiền nợ

163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng này. Bà T không chấp nhận đề nghị của bà P là trả nợ dần hằng tháng, mỗi tháng trả 500.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2025, bị đơn bà Phan Thị Mỹ P trình bày: Bà thừa nhận có viết giấy nợ bà T số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Sau đó bà P đã trả dần cho bà T nhiều lần với tổng số tiền là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng, hiện nay bà P còn nợ lại bà T số tiền 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng. Bà P chấp nhận nợ bà T 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng và xin được trả dần hằng tháng cho bà T, mỗi tháng trả 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, buộc bà P phải trả cho bà T tiền nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Phan Thị Mỹ P có nơi cư trú tại xã Đ, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phan Thị Mỹ P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà P trả lại số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng. Theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị Kim Thu T khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Mỹ P trả tiền nợ theo giấy mượn tiền năm 2018, giấy mượn tiền không thể hiện thời gian trả nợ, theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Khiếu nại lại tài sản*”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà P đã cung cấp giấy trả nợ cho bà T từ năm 2019 đến năm 2022 nên cần xác định lại quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà P trả số tiền nợ 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng:

Tại giấy mượn tiền ghi ngày 25/5/2018 và ghi ngày 17/9/2018 do bà T cung cấp, thể hiện bà P có hai lần mượn tiền của bà T với tổng số tiền là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, giấy mượn tiền không thể hiện thời gian trả nợ. Bà P khai và bà T thừa nhận là bà P đã trả cho bà T nhiều lần với tổng số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng, nay bà P còn nợ lại bà T số tiền 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng. Nội dung này phù hợp với giấy trả tiền do bà P cung cấp, giấy trả tiền thể hiện bà P đã trả nợ cho bà T nhiều lần từ năm 2019 đến năm 2022. Nay bà T yêu cầu bà P có trách nhiệm trả số tiền còn nợ 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng cho bà T là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà P đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bà P cũng vắng mặt. Vì vậy, theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền còn nợ là 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng.

Bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét không xem xét.

[4] Về án phí: Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Thu T, buộc bà Phan Thị Mỹ P chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Thu T số tiền là 163.000.000 (một trăm sáu mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ P phải chịu 8.150.000 (Tám triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0018026 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-3-2025), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân